

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 – ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 26/8/2025

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Nhật.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đào Thị Ngâm và ông Huỳnh Khắc Hiếu

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thị Thanh Nguyệt – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Bà Thẩm Anh Trúc – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2025 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu A, sinh năm 1980; Trú tại: Khu phố P, phường B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Ông Đặng Văn N, sinh năm 1978; Trú tại: Khu phố P, phường B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu A trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Vợ chồng A có thời gian tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên (nay là UBND phường B, tỉnh Đắk Lắk), được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 66/2004 ngày 28/10/2004. Sau thời gian chung sống hạnh phúc thì giữa 2 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, ông N thường xuyên mắng chửi, đánh đập thậm tệ, đã nhiều lần tha thứ nhẫn nhịn để giữ gìn hạnh phúc gia đình nhưng ông N vẫn không thay đổi. Vì không chịu nổi nên bà A và con gái út đã dọn ra ở riêng. Hiện nay, vợ chồng đã sống ly thân hơn 01 năm nay, không còn quan tâm đến nhau. Vì vậy, bà A yêu cầu giải quyết cho được ly hôn với

ông N.

- *Về con chung*: Trong thời gian chung sống có 03 con chung là: Đặng Văn H, sinh năm 2001; Đặng Thị I, sinh năm 2004 và Đặng Thị Ái N, sinh ngày 04/5/2012. Cháu H và cháu I đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết. Bà A yêu cầu được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Đặng Thị Ái N, không yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ 2 lần để hoà giải và xét xử nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu A giữ nguyên ý kiến trình bày trước đây. Bị đơn ông Đặng Văn N vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu A được ly hôn với bị đơn ông Đặng Văn N. Về con chung: Đặng Văn H, sinh năm 2001; Đặng Thị I, sinh năm 2004 đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động nên không giải quyết. Giao con chung Đặng Thị Ái N, sinh ngày 04/5/2012 cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu A trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, bị đơn ông Đặng Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con do bà A không có yêu cầu. Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu A xin ly hôn với bị đơn ông Đặng Văn N là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn có địa chỉ tại phường B, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự và Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc “*Thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực*;

quy định phạm quy thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực”.

[1.2] Về giải quyết vắng mặt của đương sự: Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn để hòa giải và xét xử nhưng bị đơn vắng mặt nên căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, thành phố T (Nay là Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Đắk Lắk) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 66/2004 ngày 28/10/2004 là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, phát sinh những mâu thuẫn như nguyên đơn trình bày. Xét thấy, mâu thuẫn giữa các đương sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu A được ly hôn với bị đơn ông Đặng Văn N.

[2.2] Về con chung: Các con chung Đặng Văn H, sinh năm 2001; Đặng Thị I, sinh năm 2004 đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động nên không giải quyết. Giao con chung Đặng Thị Ái N, sinh ngày 04/5/2012 cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu A trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; Bị đơn ông Đặng Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu A được ly hôn với bị đơn ông Đặng Văn N.

Về con chung: Các con chung Đặng Văn H, sinh năm 2001; Đặng Thị I, sinh năm 2004 đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động nên không giải quyết. Giao con chung Đặng Thị Ái N, sinh ngày 04/5/2012 cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu A trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; Bị đơn ông Đặng Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí HNGĐ-ST: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu A phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009064 ngày 16 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 11 – Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- UBND phường B;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Minh Nhật